

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng: 9

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Ngàn Trươi – Cẩm Trang, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 19 – 20/9/2023

Ngày cung cấp TT: 21/9/2023

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Cống đóng.
2	11	Đầu kênh chính	Cống đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 vị trí chính thức

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Ban Quản lý Thủy lợi 3-4.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Không có.**

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Thượng lưu Hồ (Tầng mặt sâu 0,5), Giữa Hồ (Tầng mặt sâu 0,5), Khu nuôi cá lồng 1 (tầng mặt), Khe Trươi phía TL nhà máy sắt.**

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên.

D - Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên, Trước cửa xả TN1 (Tầng mặt sâu 0,5), Khu nuôi cá lồng 2 (khu mở rộng, tầng mặt), Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang, Đầu kênh chính, Kênh chính hạ lưu cống điều tiết (gần trường TH Đức Bồng), Cầu Ngàn Trươi, Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF.

Bảng chi tiết:

Bảng 1: Kết quả quan trắc hiện trường chất lượng nước trên Hồ Ngàn Trươi

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Thượng lưu Hồ (Tầng mặt sâu 0,5)	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Trời nắng nhẹ, mát, nhiệt độ 25 ⁰ C, độ ẩm 93%, gió NĐN 3,56 km/h, mật độ mây 5%. Không có dòng chảy, nước xanh trong.	6.27	5.6	6.95	0	0.039	0.097	14	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đáp ứng điều kiện mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
<i>QCVN 08:2023 - A</i>			6.5 – 8.5		≥ 6						
<i>QCVN 08:2023 - B</i>			6 – 8.5		≥ 5						
<i>QCVN 08:2023 - C</i>			6 – 8.5		≥ 4						
<i>QCVN 08:2023 - D</i>			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
2	Thượng lưu Hồ (Tầng đáy sâu 30m)	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Trời nắng nhẹ, mát, nhiệt độ 25 ⁰ C, độ ẩm 93%, gió NĐN 3,56 km/h, mật độ mây 5%. Không có dòng chảy, nước xanh trong.	6.09	6.5	0	0	0.093	0.106	60	Giá trị DO thấp ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
3	Giữa Hồ (Tầng mặt sâu 0,5)	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực giữa hồ Ngàn Trươi.	Trời nắng nhẹ, mát, nhiệt độ 26 ⁰ C, độ ẩm 90%, gió NĐN 3,56 km/h, mật độ mây 5%. Không có dòng chảy, nước trong xanh.	6.4	44	6.71	0	0.039	0.056	45	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đáp ứng điều kiện mức B.
4	Giữa Hồ (Tầng đáy sâu 30m)	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy khu vực giữa hồ Ngàn Trươi.	Trời nắng nhẹ, mát, nhiệt độ 27 ⁰ C, độ ẩm 85%, gió NĐN 3,6 km/h, mật độ mây 5%. Không có dòng chảy, nước trong xanh.	6.1	6.8	0	0	0.078	0.117	67	Giá trị DO thấp ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
5	Trước cửa xả TN1 (Tầng mặt sâu 0,5)	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Trời nắng nhẹ, mát, nhiệt độ 27 ⁰ C, độ ẩm 80%, gió NĐN 3,7 km/h, mật độ mây 5%. Không có dòng chảy, nước xanh trong.	5.76	4.5	6.35	0	0.054	0.047	15	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đáp ứng điều kiện mức D.
6	Trước cửa xả TN1 (Tầng giữa sâu)	Đánh giá chất lượng nước tầng giữa hồ Ngàn Trươi.	Trời nắng nhẹ, mát, nhiệt độ 26 ⁰ C, độ ẩm 90%, gió NĐN 3,56 km/h, mật độ mây 5%.	5.63	6.5	0	0	0.124	0.110	22	Giá trị DO thấp ở tầng sâu – đặc

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	15m)	Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Không có dòng chảy, nước màu vàng nhạt, trong.								tính của hồ chứa.
7	Trước cửa xả TN1 (Tầng đáy sâu 24m)	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Trời nắng nhẹ, mát, nhiệt độ 26 ⁰ C, độ ẩm 90%, gió NĐN 4 km/h, mật độ mây 5%. Không có dòng chảy, nước màu vàng nhạt, trong.	6.15	4.7	0	0	0.124	0.286	48	Giá trị DO thấp ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
8	Khu nuôi cá lồng 1 (tầng mặt)	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử cá lồng.	Trời nắng nhẹ, mát, nhiệt độ 27 ⁰ C, độ ẩm 90%, gió NĐN 4 km/h, mật độ mây 5%. Không có dòng chảy, nước xanh trong.	6.18	12.7	6.89	0	0.039	0.203	14	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đáp ứng điều kiện mức B.
9	Khu nuôi cá lồng 2 (khu mở rộng, tầng mặt)	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử cá lồng.	Trời nắng nhẹ, mát, nhiệt độ 26 ⁰ C, độ ẩm 90%, gió NĐN 4 km/h, mật độ mây 5%. Không có dòng chảy. Nước màu xanh trong, mùi tanh. Có thể có dư lượng thức ăn cá trong nước.	5.86	6.3	6.79	0	0.039	0.097	15	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đáp ứng điều kiện mức D.

Bảng 2: Kết quả quan trắc hiện trường chất lượng nước trên các kênh thuộc hệ thống thủy lợi Hồ Ngàn Trươi

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
<i>QCVN 08:2023 - A</i>				6.5 – 8.5		≥ 6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2023 - B</i>				6 – 8.5		≥ 5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2023 - C</i>				6 – 8.5		≥ 4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2023 - D</i>				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		0.9	15		
10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Đánh giá chất lượng nước cấp cho nhà máy nước Vũ Quang.	Trời nắng nóng, nhiệt độ 28 ⁰ C, độ ẩm 73%, gió BTB 4,8 km/h, mật độ mây 86%. Có dòng chảy, mực nước trung bình. Nước màu xanh lục. Có thể có dư lượng thực ăn thừa trong nước.	5.92	10.3	4.61	0	0.054	0.176	3.2	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đáp ứng điều kiện mức D.
11	Đầu kênh chính	Đánh giá chất lượng nước đầu hệ thống trước khi cấp cho các mục đích dân sinh.	Trời nắng nhẹ, gió nhẹ, nhiệt độ 28 ⁰ C, độ ẩm 78%, gió BTB 4,8 km/h, mật độ mây 70%. Dòng chảy nhỏ, nước màu vàng nhạt.	6.27	7.6	2.13	0.1	0.085	0.227	26	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đáp ứng điều kiện mức D.
12	Kênh chính hạ lưu cống điều tiết (gần trường TH Đức Bông)	Đánh giá chất lượng nước trên kênh chính hạ lưu cống đầu mối.	Trời nắng nóng, ít mây. Nhiệt độ 31 ⁰ C, độ ẩm 77%, gió ĐB 5,6 km/h, mật độ mây 85%. Không có dòng chảy. Nước trong, màu vàng nhạt.	8.8	16	9.7	0.1	0.085	0.236	6.5	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đáp ứng điều kiện mức D.
13	Cầu Ngàn Trươi	Đánh giá chất lượng nước tại cầu Ngàn Trươi.	Trời nắng nóng, nhiệt độ 28 ⁰ C, độ ẩm 86%, gió BTB 4,86 km/h, mật độ mây 73%.	5.85	5.2	2.49	0.1	0.070	0.263	29	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đáp ứng điều kiện mức D.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6		0.3	2		
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5		0.3	5		
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4		0.9	10		
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		0.9	15		
			Có dòng chảy, 2 tổ máy đang xả nước. Nước sạch, màu trong xanh.								kiện mức D.
14	Khe Trươi phía TL nhà máy sắt	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi trước khi nhận nước thải hai nhà máy sắt và nhà máy gỗ.	Nhiệt độ 30 ⁰ C, độ ẩm 74%, gió ĐN 3,03 km/h, mật độ mây 5%. Dòng chảy chậm, mực nước trung bình. Nước đục, màu lục	6.18	12.8	6.03	0.1	0.070	0.203	46	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đáp ứng điều kiện mức B.
15	Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi ngay sau khi nhận nước thải nhà máy gỗ.	Nhiệt độ 30 ⁰ C, độ ẩm 74%, gió ĐN 3,03 km/h, mật độ mây 5%. Không có dòng chảy, nước màu lục, khá đục.	5.95	20.9	4.17	0	0.062	0.200	5.3	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đáp ứng điều kiện mức D.

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2023

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI